

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VLXD TỈNH CAO BẰNG ĐẾN NĂM 2020.

KS. Tạ Khánh Hiệp

Cao Bằng là tỉnh miền núi vùng cao biên giới, nằm ở phía cực bắc của nước ta, diện tích tự nhiên chiếm khoảng 2% diện tích cả nước. Thị xã Cao Bằng cách Thủ đô Hà Nội khoảng 300 km. Phía Bắc và phía Đông Cao Bằng giáp với tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc (với trên 311 km đường biên giới) ; phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang; phía Nam và Đông Nam giáp tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn.

Sản xuất VLXD ở Cao Bằng những năm qua đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân. Sản xuất VLXD ở Cao Bằng đã và đang hội nhập với xu thế phát triển chung của cả nước, từng bước đáp ứng được nhu cầu VLXD thông thường trên thị trường, song vẫn còn một số vấn đề bất cập cần được giải quyết: việc khai thác tài nguyên khoáng sản và sản xuất VLXD ở nhiều cơ sở còn mang tính tự phát, gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan môi trường, việc lựa chọn quy mô, công nghệ sản xuất một số sản phẩm VLXD trên địa bàn còn chưa thật hợp lý.

Nhu cầu VLXD của tỉnh trong giai đoạn tới đòi hỏi ngày càng cao về khối lượng, chất lượng và sự đa dạng về chủng loại sản phẩm. Để định hướng phát triển ngành công nghiệp VLXD của tỉnh, đáp ứng nhu cầu của thị trường, khắc phục được những bất cập hiện nay, việc lập quy hoạch phát triển VLXD đến năm 2020 sẽ giúp cho các cấp lãnh đạo trong công tác quản lý sản xuất VLXD trên địa bàn, đồng thời sẽ là những định hướng cho các nhà đầu tư sản xuất VLXD trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển sản xuất VLXD ở Cao Bằng trong giai đoạn tới nhằm, đáp ứng cơ bản nhu cầu một số chủng loại VLXD thông thường, trong đó sản xuất một số loại VLXD mới để có thể hội nhập thị trường VLXD trong và ngoài nước, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nguồn thu ngân sách, giải quyết việc làm cho người lao động, đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp tạo bước đột phá để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và ổn định.

Phát triển sản xuất VLXD ở Cao Bằng trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 dựa trên hệ thống quan điểm sau:

- Phát triển VLXD phải phù hợp với các quy hoạch: quy hoạch phát triển KT – XH, quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, quy hoạch phát triển đô thị

của tỉnh và quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng của cả nước để đảm bảo tính thống nhất và phát triển bền vững.

- Sản xuất VLXD cần được phát triển mạnh ngay trong giai đoạn đầu quy hoạch; trong đó tập trung đầu tư phát triển sản xuất các loại VLXD như: xi măng, đá, cát, sỏi xây dựng, gạch nung và không nung để đáp ứng nhu cầu VLXD trên địa bàn.

- Phát triển sản xuất VLXD ở huyện Hoà An và vùng ngoại vi thị xã Cao Bằng trở thành vùng sản xuất VLXD chủ lực của tỉnh, đáp ứng nhu cầu của huyện Hoà An, phát triển vùng đô thị trung tâm của tỉnh và các huyện, thị lân cận.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ trang thiết bị sản xuất, từng bước loại bỏ công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, tiêu tốn năng lượng, gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở sản xuất VLXD mới đầu tư trong giai đoạn này cần lựa chọn trang thiết bị, công nghệ tiên tiến phù hợp với xu thế chung của cả nước để sản phẩm đạt chất lượng cao có thể hội nhập thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

- Chuyển đổi, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất VLXD trong địa bàn trên cơ sở đa dạng hoá các thành phần kinh tế tham gia sản xuất VLXD mang lại hiệu quả cao nhất.

Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020:

*** Xi măng:**

- Đầu tư chuyển đổi nhà máy xi măng lò đứng sang lò quay công suất 1.000 tấn clanhke/ngày. Cải tạo các phân xưởng nghiền của nhà máy xi măng hiện nay để nghiền một phần clanhke của dây chuyền xi măng này. Vốn đầu tư 500 tỷ đồng.

- Duy trì trạm nghiền xi măng của Công ty cổ phần sản xuất VLXD Cao Bằng: 3 vạn tấn/năm.

Sản lượng xi măng: 10 vạn tấn (năm 2010), 38 vạn tấn (năm 2015), 38 vạn tấn (2020).

*** Vật liệu xây.**

- Phát triển sản xuất gạch tuy nèn quy mô lớn ở xã Ngọc Xuân – Thị xã Cao Bằng và xã Hưng Đạo – huyện Hoà An.

- Đối với các huyện ở xa, nhu cầu gạch xây không tăng đột biến, trữ lượng sét không lớn, sẽ chuyển đổi từ lò nung thủ công sang lò đứng nung liên tục.

- Tiếp tục phát triển sản xuất gạch không nung ở các huyện, thị.

Sản lượng vật liệu xây: 126 triệu viên (năm 2010), 218 triệu viên (năm 2015), 272 triệu viên (năm 2020),

*** Vật liệu lợp.**

- Nâng sản lượng ngói máng trên toàn địa bàn lên 200.000 m²/năm trên cơ sở phổ biến rộng rãi kỹ thuật sản xuất ngói máng có chất lượng cao của huyện Nguyên Bình.

- Duy trì năng lực sản xuất tại Công ty cổ phần sản xuất VLXD Cao Bằng

- Kết hợp nung ngói trong lò tuy nhen đối với những cơ sở sản xuất gạch nung bằng lò tuy nhen và đất sét sản xuất được ngói nung.

Sản lượng vật liệu lợp trên địa bàn: 246.000m²(năm 2010),332.000 m²(năm 2015) và : 352.000 m²(năm 2020).

Phần còn thiếu so với nhu cầu vật liệu lợp sẽ được đáp ứng bằng ngói nung và tấm lợp amiăng xi măng, tấm lợp kim loại từ các địa bàn lân cận.

*** Đá xây dựng.**

+ Đầu tư các cơ sở khai thác đá xây dựng có quy mô công suất 30.000 m³/năm tại một số mỏ đá lớn thuộc huyện Hoà An cung ứng cho các khu vực có nhu cầu lớn về đá xây dựng cho các khu đô thị, khu công nghiệp và xây dựng các công trình giao thông v.v...

+ Các cơ sở khai thác đá xây dựng ở các huyện khác nhu cầu không lớn và phân tán quy mô từ 6 – 10 ngàn m³.

+ Đối với một số mỏ đá khai thác quy mô lớn như mỏ đá Nậm Loát, Bản Ngần ... cần áp dụng phương pháp khai thác cắt tầng và nổ mìn theo phương pháp vi sai để hạn chế lượng đá văng ra xung quanh vừa tăng năng suất khai thác đá xây dựng và đảm bảo an toàn trong khai thác.

+ Những mỏ đá hiện đang khai thác nằm sát đường giao thông cần phải mở moong mới, không khai thác phía sát đường để đảm bảo an toàn khi khoan nổ mìn gồm các mỏ sau:

. Mỏ đá xã Thanh Nhật - huyện Hạ Lang (sát tỉnh lộ 207)

. Mỏ đá Keng Ca, xã An Lạc – huyện Hạ Lang (sát tỉnh lộ 207)

. Mỏ đá xã Chí Thảo – huyện Quảng Uyên (sát QL3)

. Mỏ đá Lang Môn – huyện Nguyên Bình (sát QL 34)

. Mỏ đá Ngườm Kim – huyện Thạch An (sát QL 4A) v.v...

Sản lượng đá xây dựng trên địa bàn: 368 ngàn m³(năm 2010), 644 ngàn m³(năm 2015), 826 ngàn m³(năm. 2020).

*** Cát xây dựng.**

Quy hoạch phát triển khai thác cát xây dựng trong giai đoạn tới cụ thể như sau:

+ Tập trung khai thác cát, sỏi trên các sông Gâm, Nhi A, Rẻ Đào, sông Năng, sông Bằng, sông Hiến, sông Bắc Vọng, sông Quây Sơn... và các suối cung ứng cát cho thị trường trong tỉnh. Ngoài các cơ sở khai thác hiện có thành lập thêm các HTX, công ty TNHH, công ty cổ phần khai thác cát, để vừa có điều kiện về tiền vốn đầu tư thiết bị, cải tạo đường vào bến bãi để các xe ô tô vào mua

cát được thuận lợi (cụ thể như: đường vào bến khai thác cát tại suối Nà Pheo xã Độc Lập – Quảng Uyên và bến khai thác cát tại Bản Sảng – xã Bạch Đằng – huyện Hoà An. v.v...) nhằm nâng cao năng lực quản lý, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong khai thác và kinh doanh cát.

+ Sử dụng các loại thiết bị khai thác như xuống cào công suất 10 ngàn m³/năm, máy hút ly tâm 20m³/ngày và duy trì mật độ phân bố các doanh nghiệp khai thác cát như hiện nay là phù hợp với điều kiện bồi lắng cát của các sông trên địa bàn.

+ Hạn chế khai thác cát sỏi ở một số đoạn trên sông Bằng như: Đoạn từ cầu treo Cao Bình xã Vĩnh Quang – Hoà An đến xã Ngọc Xuân để tránh xói lở bờ sông phía xã Ngọc Xuân; đoạn sông giữa xã Hưng Đạo và xã Đề Thám để hạn chế tình trạng sạt lở bờ sông phía xã Hưng Đạo. Hạn chế khai thác cát trên nhánh sông Thề Dục chảy qua huyện Nguyên Bình, đoạn từ cầu Vạn Riệp về thị xã Cao Bằng.

+ Khai thác cát trên sông Bằng, sông Hiến qua thị xã Cao Bằng và huyện Hoà An:

- Triển khai cắm mốc giới cho 8 đơn vị đã được cấp phép khai thác cát, sỏi; duy trì vị trí khai thác theo đúng quy định trong giấy phép khai thác : cách bờ sông có khả năng xói lở 5 m, cách bờ còn lại 3 m, để hạn chế xói lở bờ sông. Tổ chức tập huấn nạo vét thí điểm ở một doanh nghiệp khai thác cát rút kinh nghiệm áp dụng cho các doanh nghiệp khác.

- Thu gom cuội sỏi từ các cơ sở khai thác cát riêng lẻ vận chuyển cung ứng cho một vài đơn vị đã đầu tư máy đập búa nghiền cát (70 m³/ngày) để vừa tăng sản lượng cát vừa khơi thông được dòng chảy.

- Kiểm tra hàng tháng hoạt động khai thác cát và nạo vét lòng sông (gồm đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện, thị xã, UBND xã, phường) để hạn chế xói lở bờ sông, đảm bảo dòng chảy và cảnh quan môi trường đặc biệt trên sông Bằng, sông Hiến khi chảy qua các phường sông Bằng, phường sông Hiến và các xã Hoà Chung, Đề Thám, Hưng Đạo, Bế Triều, Dân Chủ, Bình Long, Chu Trinh, Hồng Nam...

Sản lượng cát xây dựng khai thác trên địa bàn: 272 ngàn m³(năm 2010), 450 ngàn m³(năm 2015), 650 ngàn m³(năm 2020).

* **Gạch ốp lát.**

Trong giai đoạn tới nhu cầu gạch lát hè trên địa bàn sẽ rất lớn để phục vụ lát hè đường và chỉnh trang đô thị. Vật liệu lát hè có thể sử dụng gạch nung, gạch không nung, tấm lát bằng bê tông v.v.. nhưng phổ biến nhất là sử dụng gạch lát tự chèn không nung. Cao Bằng nên sản xuất 2 chủng loại gạch lát sau:

- Gạch lát tự chèn phục vụ cho việc lát vỉa hè ở các khu đô thị.

- Gạch Terrazzo có cường độ cao, màu sắc phong phú được dùng để ốp lát ngoài trời như lát sân chơi cung thiếu nhi, vườn hoa, sân nhà văn hoá, sân quảng trường v.v...

Nhu cầu vật liệu ốp lát các loại trên địa bàn được đáp ứng từ nguồn sản xuất trong nước và nước ngoài.

*** Bê tông.**

Trong giai đoạn tiếp theo Cao Bằng sẽ không đầu tư thêm các cơ sở sản xuất bê tông tươi và bê tông đúc sẵn. Với năng lực sản xuất bê tông của 2 cơ sở hiện có đã đủ để đáp ứng nhu cầu bê tông trong tỉnh.

*** Đá ốp lát.**

Trong giai đoạn 2007 – 2010 cần tiếp tục thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ đá ốp lát Bản Piên xã Phong Châu – Trùng Khánh trước khi đầu tư cơ sở chế biến đá ốp lát 10.000 m²/năm.

*** Ván nhân tạo.**

Giai đoạn này từ nay đến 2010 tập trung trồng khoảng 5.000 ha cây keo và keo lai ở các huyện Hoà An, Thạch An, Nguyên Bình, Bảo Lâm, Bảo Lạc đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất 10.000 m³/năm ván nhân tạo (bao gồm các sản phẩm: ván ghép thanh, thanh định hình polyme – gỗ) sẽ đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2020 như sau:

- + Đầu tư cơ sở sản xuất ván ghép thanh: 5.000 m³/năm
- + Đầu tư cơ sở sản xuất thanh định hình polyme - gỗ: 2.000 m³/năm.

*** Phụ gia xi măng.**

Để đáp ứng nhu cầu phụ gia cho các cơ sở sản xuất xi măng trong tỉnh, ngoài nguồn xỉ thu hồi được từ quá trình luyện gang thép, duy trì năng lực khai thác đá đolômit của các đơn vị như hiện nay là đủ cung cấp cho các cơ sở sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh.

Ngành sản xuất VLXD Cao Bằng đã và đang khẳng định vai trò, vị thế của mình trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, ngành sản xuất VLXD cần được ưu tiên phát triển đi trước một bước để đáp ứng nhu cầu VLXD thông thường trên toàn địa bàn, xác định những chủng loại VLXD cần phát triển, lựa chọn quy mô, công nghệ sản xuất phù hợp, khắc phục dần những bất hợp lý trong quan hệ giữa cung và cầu về VLXD. Với nguồn lực về tài nguyên khoáng sản, nguồn nhân lực, phát triển sản xuất VLXD Cao Bằng có những khó khăn và lợi thế nhất định trong bối cảnh hội nhập với thị trường VLXD khu vực và quốc tế.

Quy hoạch phát triển VLXD tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2006 - 2020 đã lấy việc phân tích hệ thống thị trường VLXD trong và ngoài tỉnh để xác định nhu cầu VLXD từ đó xây dựng phương án phát triển sản xuất VLXD phù hợp với hệ

thống quan điểm và mục tiêu đã đề ra, đồng thời đề xuất các giải pháp thực hiện. Các phương án đầu tư sản xuất VLXD đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 2895/QĐ-UBND, ngày 31/12/2007. Đây sẽ là công cụ giúp cho các nhà quản lý trong việc quản lý đầu tư, cấp phép thăm dò, khai thác sử dụng khoáng sản làm VLXD trên địa bàn tỉnh, đồng thời giúp cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tìm cơ hội đầu tư phát triển sản xuất VLXD trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Quy hoạch phát triển VLXD là quy hoạch định hướng, quy hoạch mở, trong quá trình triển khai thực hiện sẽ có những nhân tố mới ảnh hưởng đến sự phát triển mà thời điểm hiện tại chưa lường hết được. Vì thế cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và điều chỉnh quy hoạch kịp thời. Để làm tốt công tác quản lý, chỉ đạo triển khai quy hoạch cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Xây dựng với các cơ quan ban ngành trong tỉnh, có như vậy mới có thể tháo gỡ những khó khăn vướng mắc hiện tại và tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất VLXD của tỉnh phát triển trong các giai đoạn tới.